TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2017
V/v tranh chấp: ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

-*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Công Đẳng

2. Ông Trần Tấn Tài

- *Thư ký phiên tòa*: bà Dương Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân:* ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2015/ TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2015 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2017/QĐXX - ST, ngày 12 tháng 6 năm 2017; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 78/2017/QĐST – HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2017; thông báo dời ngày xét xử số 12/TB – TA, ngày 25 tháng 7 năm 2017 và thông báo dời ngày xét xử số 13/TB – TA, ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Lê Văn Tr**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp 3, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: chị **Huỳnh Kim Th**, sinh năm 1976

Địa chỉ ấp 3, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

- Ông **Huỳnh Văn Nh**, sinh năm 1960

- Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (ông Nhiệp có mặt, bà Diệp có đơn xin vắng mặt).

- Chị **Lê Thị N** (Lê Kim Non), sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp 3, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp 6, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1966
- Bà **Lâm Thị Th**
- Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1951

Cùng trú tại: ấp 3, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

(ông S có mặt, anh Đ, bà Th có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2015 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Văn Tr trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị Huỳnh Kim Th đi đến hôn nhân vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh thường xuyên đi làm ăn nên vợ anh ghen tuông và mắng chưởi anh. Sau đó vợ chồng ly thân từ tháng 02/2014 đến nay. Anh Tr xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị Th.

- Về con chung: anh và chị Th có 02 người con chung tên Lê Minh Đón, sinh ngày 20/9/1997 đã trưởng thành và Lê Thảo Chân, sinh ngày 24/7/2002, do Anh Tr nuôi dưỡng, Anh Tr yêu cầu sau khi ly hôn các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, trường hợp ở với anh, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền 20.000.000 đồng; nợ ông Huỳnh Văn H 07 chỉ vàng 24K; nợ ông Huỳnh Văn Nh 02 chỉ vàng 24K; nợ anh Lê Văn Đ 04 chỉ vàng 24K anh đồng ý chia để trả.

Bị đơn chị Huỳnh Kim Th trình bày: về hôn nhân như năm kết hôn như lời trình bày của Anh Tr là đúng; nhưng vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm. Đến tháng 7/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do Anh Tr đi làm ăn có quan hệ với người phụ nữ khác và chị có bắt gặp nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn ly thân từ tháng 7/2013 đến nay. Anh Tr yêu cầu ly hôn chị Th đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 người con chung như lời trình bày của Anh Tr là đúng, con chung hiện đã lớn nếu Tòa án giải quyết ly hôn con có nguyện vọng

sống với ai thì người đó nuôi, nếu chị nuôi dưỡng thì chị không yêu cầu Anh Tr cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung:

+ Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Anh Tr đã trả xong còn số tiền Anh Tr vay lại là của Anh Tr, Anh Tr có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng;

+ Nợ ông Huỳnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị D 02 chỉ vàng 24K và nợ 2 chưng hụi chết với số tiền phải trả là 12.700.000 đồng.

+ Nợ chị Lê Kim N 03 chỉ vàng 24K;

+ Nợ ông Huỳnh Văn H 10 chỉ vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K;

+ Nợ anh Lê Văn Đ 04 chỉ vàng 24K.

Chị Th yêu cầu chia trả nợ theo quy định pháp luật, số tiền này vợ chồng chị mượn để dùng vào việc gia đình, điều trị bệnh cho con và làm vốn để canh tác lúa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tại văn bản ngày 19 tháng 7 năm 2017 Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh trình bày: chị Huỳnh Kim Th anh Lê Văn Tr là người thừa kế có đứng tên vay tại phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh 2 khoản: khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường số tiền 4.000.000 đồng và vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn với số tiền 15.000.000 đồng, tổng cộng 2 khoản là 19.000.000 đồng, Anh Tr và chị Th có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến số nợ do chị Th vay nhưng đến ngày 30/8/2016 thì khách hàng đã trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng. Ngày 30/8/2017 anh Lê Văn Tr có đứng tên vay số tiền 20.000.000 đồng và người thừa kế là Lê Minh Đón, món vay này đến năm 2021 mới hết hạn. Do khách hàng Huỳnh Kim Th đứng tên vay khoản nợ trước đây và khách hàng đã thanh toán xong nên phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn việc giữa Anh Tr chị Th có tranh chấp khoản tiền khách hàng đã thanh toán thì Ngân hàng không có ý kiến gì, đối với khoản vay ngày 30/8/2016 do Anh Tr vay, ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu đề ngày 14 tháng 7 năm 2015 và trong quá trình xét xử, ông Huỳnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 2014 (không nhớ ngày tháng) ông và bà Diệp có cho Anh Tr, chị Th mượn 02 chỉ vàng 24K (cả 2 vợ chồng cùng đến mượn), đến nay chưa trả lại vàng cho ông, bà.

Ngoài ra ông Nhiệp và bà Diệp có mở 2 dây hụi, chị Th và Anh Tr có tham gia chơi 02 chưng:

+ Dây hụi thứ nhất: loại hụi 500.000 đồng, mở vào ngày 15/10/2012, tổng số 31 chưng, đến tháng 3 năm 2015 kết thúc, do chị Th đứng tên tham gia, chị Th hốt hụi vào tháng 02 năm 2014. Từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 3 năm 2015 không đóng hụi chết cho ông, bà, tổng cộng Anh Tr, chị Th còn thiếu lại là 14 kỳ với số tiền 7.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: loại hụi 300.000 đồng, mở vào ngày 15/10/2012, tổng số 36 chưng, đến tháng 10 năm 2015 kết thúc, do chị Th đứng tên tham gia, chị Th hốt hụi vào tháng 02 năm 2014. Từ tháng 3 năm 2014 đến nay không đóng hụi chết cho ông, bà, tổng cộng Anh Tr chị Th còn thiếu lại tính đến ngày kết thúc hụi là 19 kỳ, với số tiền: 5.700.000 đồng.

Ông Nhiệp và bà Diệp yêu cầu Anh Tr, chị Th trả lại số tiền hụi 2 dây hụi là 12.700.000 đồng.

Trường hợp Anh Tr và chị Th ly hôn, ông, bà yêu cầu Anh Tr và chị Th trả 02 chỉ vàng 24K và số tiền hụi 12.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại đơn yêu cầu đề ngày 14 tháng 7 năm 2015 và trong quá trình xét xử chị Lê Thị N trình bày:

Vào tháng 4 năm 2014 chị có cho chị Th mượn 03 chỉ vàng 24K, lúc đưa vàng chỉ có một mình chị Th, còn việc Anh Tr có biết việc chị Th mượn vàng của chị hay không thì chị không biết. Trường hợp Anh Tr và chị Th ly hôn, chị yêu cầu chị Th nhận vàng thì chị Th trả 03 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

- Tại đơn yêu cầu đề ngày 14 tháng 7 năm 2015 và trong quá trình xét xử ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông có cho Anh Tr và chị Th mượn 03 chỉ vàng 24K để trị bệnh cho con; 07 chỉ vàng 24K để chuộc đất, tổng cộng là 10 chỉ vàng 24K và có cho mượn 08 chỉ vàng 18K, toàn bộ số vàng nêu trên cả hai vợ chồng Anh Tr chị Th cùng mượn nhưng chị Th là người trực tiếp nhận. Trường hợp Anh Tr và chị Th ly hôn, ông yêu cầu trả lại ông 10 chỉ vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K.

*- Tại đơn yêu cầu đề ngày 20 tháng 7 năm 2015, anh **Lê Văn Đ** trình bày:*

Anh Tr và chị Th có nợ của anh 04 chỉ vàng 24K, giữa anh và Anh Tr, chị Th đã thỏa thuận xong nên anh không yêu cầu giải quyết.

*- Tại đơn yêu cầu đề ngày 16 tháng 7 năm 2015 và trong quá trình xét xử ông **Lê Văn S** trình bày:*

Vào năm 1998 ông có cho vợ chồng Anh Tr và chị Th mượn 5 công rưỡi đất tọa lạc đất tại ấp 3, xã Khánh Lâm, huyện U Minh đất hiện tại do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để canh tác sinh sống và một nền nhà ngang 4 mét dài 12 mét để cất nhà ở. Trường hợp Anh Tr và chị Th ly hôn,

ông S yêu cầu trả lại phần đất trên nhưng tại phiên tòa hôm nay phần đất này Anh Tr đã trả lại cho ông và ông đã canh tác nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông xin rút lại đơn yêu cầu.

Anh Lê Văn Tr trình bày tiếp: Đối với 2 dây hụi do ông Nhiệp, bà Diệp làm chủ và nợ hụi chết anh không biết; nợ chị Non anh không biết. Anh Tr chỉ thừa nhận còn thiếu ông Huỳnh Văn H 07 chỉ vàng 24K, phần nợ ông thừa nhận thì ông đồng ý cùng bà Thên chia để trả. Riêng phần đất mượn của cha anh là ông Sai, khi anh và chị Th ly thân nhau anh đã trả lại cho ông S xong.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2017 bà Lâm Thị Th trình bày: Vào năm 1998 bà và ông S có cho vợ chồng Anh Tr và chị Th mượn 5 công rưỡi đất tọa lạc đất tại ấp 3, xã Khánh Lâm, huyện U Minh đất hiện tại do ông S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để canh tác sinh sống và một nền nhà ngang 4 mét dài 12 mét để cất nhà. Hiện nay Anh Tr đã trả lại đất nên bà không yêu cầu gì.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2016 cháu Lê Thảo Ch, sinh ngày 24/7/2002 trình bày: nguyện vọng của cháu sau khi cha và mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được cha là anh Lê Văn Tr nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung áp dụng Điều 53 khoản 2, Điều 59, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015: không công nhận Anh Tr và chị Th là vợ chồng; Giao con chung Lê Thảo Ch cho Anh Tr nuôi dưỡng, chị Th có quyền được đến thăm nom, chăm sóc cháu Ch; về nợ chung Anh Tr không thừa nhận hết nhưng toàn bộ số nợ này phát sinh khi 2 người còn chung sống, quá trình vay các chủ nợ đều xác định là Anh Tr chị Th vay và khoản vay này chi phí chung cho gia đình nên Anh Tr chị Th phải có nghĩa vụ cùng trả, mỗi người trả 50%; Do đó, buộc Anh Tr và chị Th mỗi người phải trả cho ông Nhiệp, bà Diệp 01 chỉ vàng 24K và 6.350.000 đồng; chị Non 01 chỉ 5 phân vàng 24K; ông Hỏa 05 chỉ vàng 24K, 04 chỉ vàng 18K; đối với nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét. Án phí áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Anh Tr phải chịu 300.000 đồng, án phí có giá ngạch Anh Tr, chị Th mỗi người phải chịu tương đương với số tiền phải trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh Lê Văn Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, người nuôi con chung đối với chị Huỳnh Kim Th, nơi cư trú ấp 3, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Lâm Thị Th và anh Lê Văn Đ, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh, bà Nguyễn Thị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Kim Non tại phiên tòa ngày 11/7/2017 chị Non có mặt, tại phiên tòa hôm nay chị Non vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Th và anh Đ, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh, bà Diệp, chị Non.

[2] Về hôn nhân: anh Lê Văn Tr với chị Huỳnh Kim Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, Anh Tr xác định không có đăng ký kết hôn còn chị Th thì xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tại xác nhận ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm xác định Anh Tr và chị Th không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, chị Th cũng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, do đó có cơ sở xác định Anh Tr và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa Anh Tr và chị Th đã xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau. Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: tại điều 9 quy định "*việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*" và tại khoản 1 Điều 14 quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*" và tại khoản 2 Điều 53 quy định *"trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn Tr và chị Huỳnh Kim Th.

[3] Về con chung: người con chung tên tên Lê Minh Đ, sinh ngày 20/9/1997 đã thành niên nên không xem xét và cháu Lê Thảo Ch, sinh ngày 24/7/2002, nguyện vọng của cháu được do Anh Tr nuôi dưỡng nên ghi nhận nguyện vọng của cháu. Mặt khác Anh Tr và chị Th cũng thống nhất với nhau Anh Tr có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Ch. Do đó tiếp tục giao cháu Ch cho Anh Tr nuôi dưỡng là đảm bảo cho người con chung có điều kiện phát triển bình thường, ổn định tâm lý và tình cảm. Chị Th có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Văn Tr và chị Huỳnh Kim Th không yêu cầu nên không xem xét

[4] Về tài sản chung: anh Lê Văn Tr không yêu cầu giải quyết; tại đơn yêu cầu ngày 20/7/2015 chị Huỳnh Kim Th có yêu cầu chia tài sản gồm một căn nhà, nền nhà và phần đất 5,5 công nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Th không yêu cầu giải quyết, xét thấy yêu cầu của chị Th là tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu của chị Th về việc yêu cầu chia tài sản chung với anh Lê Văn Tr. Chị Huỳnh Kim Th có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung:

- Đối với khoản nợ phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh: Ngân hàng cùng với Anh Tr, chị Th thống nhất đã thanh toán dứt điểm khoản nợ do chị Th đứng tên vay, hiện tại Anh Tr đang đứng tên vay số tiền 20.000.000 đồng chưa đến hạn thanh toán cuối cùng, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết liên quan đến số nợ Anh Tr thiếu vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Đối với khoản nợ của ông Huỳnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị D 02 chỉ vàng 24K và số tiền nợ hụi là 12.700.000 đồng, Anh Tr chỉ thừa nhận có 02 chỉ vàng 24K, còn lại tiền hụi anh không biết, anh chỉ đồng ý cùng chị Th trả 02 chỉ vàng 24K còn tiền hụi Anh Tr không biết đến nên không đồng ý trả.

- Đối với khoản nợ của chị Lê Kim Non 03 chỉ vàng 24K, được chị Th thừa nhận, Anh Tr xác định anh không biết đến số nợ này nên anh không đồng ý cùng chị Th để trả.

- Đối với khoản nợ ông Huỳnh Văn H 10 chỉ vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K, chị Th thừa nhận có nợ ông Hỏa, còn Anh Tr xác định chỉ có nợ ông Quả 07 chỉ vàng 24K. Anh Tr đồng ý chia số 07 chỉ vàng 24K để cùng bà Thên trả nợ, số còn lại anh không biết nên không đồng ý trả.

Mặt dù Anh Tr không thừa nhận hết số nợ trên nhưng toàn bộ số nợ này phát sinh khi 2 người còn chung sống với nhau và khoản nợ vay này phục vụ chi phí chung cho gia đình nên Anh Tr chị Th phải có nghĩa vụ cùng trả, mỗi người trả 50%. Do đó, buộc Anh Tr và chị Th mỗi người phải trả cho ông Nhiệp, bà Diệp 01 chỉ vàng 24K và 6.350.000 đồng; chị Non 01 chỉ 5 phân vàng 24K; ông Hỏa 05 chỉ vàng 24K, 04 chỉ vàng 18K.

- Đối với khoản nợ của anh Lê Văn Đ Anh Tr chị Th cùng xác định còn nợ nhưng anh Đ xác định đã thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Đối với yêu cầu của ông Lê Văn S yêu cầu anh Lê Văn Tr và chị Huỳnh Kim Th trả lại diện tích đất 5 công rưỡi và một phần đất ngang 4 mét dài 12 mét do ông cho Anh Tr chị Th mượn. Tại phiên tòa ông S rút lại toàn bộ đơn yêu cầu, xét thấy việc rút yêu cầu của ông S là tự nguyện nên Hội đồng xét xử áp

dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Lê Văn S yêu cầu anh Lê Văn Tr và chị Huỳnh Kim Th trả lại phần đất cho mượn. Ông Lê Văn S có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm anh Lê Văn Tr phải chịu 200.000 đồng. Án phí dân sự có giá ngạch 5% trên số tiền phải trả nợ Anh Tr, chị Th phải chịu là: 2.032.500 đồng (vàng 24K giá 3.400.000 đồng/1chỉ, vàng 18K giá 2.200.000 đồng/1 chỉ).

Yêu cầu của ông Huỳnh Văn Nh, bà Nguyễn Thị D; chị Lê Thị Non; ông Huỳnh Văn H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Nhiệp, bà Diệp đã nộp tạm ứng án phí số tiền 470.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05352, ngày 28/8/2015; chị Non đã nộp tạm ứng án phí số tiền 465.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05312, ngày 20/7/2015; ông Hỏa đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.390.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05306, ngày 20/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Văn S không phải chịu án phí, ngày 20/7/2015 ông S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.980.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05310 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh không phải chiu án phí.

Theo quy định tại khoản 6 và khoản 8 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 6, khoản 8 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn Tr và chị Huỳnh Kim Th.

[2] Về con chung: giao cháu Lê Thảo Ch, sinh ngày 24/7/2002 cho anh Lê Văn Tr nuôi dưỡng. Hiện cháu Ch đang do Anh Tr nuôi dưỡng, Anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Th có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Huỳnh Kim Th yêu cầu chia tài sản chung với anh Lê Văn Tr. Chị Huỳnh Kim Th có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về nợ chung:

+ Buộc anh Lê Văn Tr trả cho ông Huỳnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị D 01 chỉ vàng 24K và số tiền 6.350.000 đồng. Trả cho chị Lê Kim Non 01 chỉ 5 phân chỉ vàng 24K. Trả cho ông Huỳnh Văn H 05 chỉ chỉ vàng 24K và 04 chỉ vàng 18K.

+ Buộc chị Huỳnh Kim Th trả cho ông Huỳnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị D 01 chỉ vàng 24K và số tiền 6.350.000 đồng. Trả cho chị Lê Kim Non 01 chỉ 5 phân chỉ vàng 24K. Trả cho ông Huỳnh Văn H 05 chỉ vàng 24K và 04 chỉ vàng 18K.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Văn S yêu cầu anh Lê Văn Tr, chị Huỳnh Kim Th trả lại đất. Ông Lê Văn S có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh về việc yêu cầu anh Lê Văn Tr và chị Huỳnh Kim Th trả nợ vay. Ngân hàng có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

- Anh Lê Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch là 200.000 đồng. Án phí có giá ngạch anh Lê Văn Tr phải chịu 2.032.500 đồng, tổng cộng là 2.232.500 đồng, ngày 12/3/2015 Anh Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05135 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu Anh Tr phải nộp tiếp số tiền 2.032.500 đồng, nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí có giá ngạch chị Huỳnh Kim Th phải chịu 2.032.500 đồng, ngày 20/7/2015 chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.774.000 đồng, theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 05307 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, chị Th được nhận lại số tiền 741.500 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trả lại cho anh Huỳnh Văn Nh, chị Nguyễn Thị D số tiền 470.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05352, ngày 28/8/2015; trả lại cho chị Lê Thị N số tiền 465.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05312, ngày 20/7/2015; trả lại cho ông Huỳnh Văn H số tiền 2.390.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05306, ngày 20/7/2015; trả lại cho ông Lê Văn S số tiền 5.980.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 05310 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi bản án có hiệu lực pháp luật, nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh.

[7] Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:
- *Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (mỗi đ/s1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*